

QUY TRÌNH LỄ HỘI RAMƯWAN CỦA NGƯỜI CHĂM BÀNÌ Ở NINH THUẬN

NGUYỄN MẠNH CƯỜNG^(*)
NGUYỄN BÌNH^(**)

I. Đặt vấn đề

Để thực hiện bài viết này, chúng tôi đã khảo sát lễ hội của người Chăm Bànì tại tỉnh Ninh Thuận từ những năm 2001, 2003, 2004... và gần đây nhất là tháng 8/2010. Tháng lễ Ramưwan của người Chăm Bànì ở Ninh Thuận được chúng tôi khảo sát tại nhiều làng của người Chăm, song chủ yếu là người Chăm Bànì ở Hữu Đức - một trong những nơi có đền thờ vua Pô Rômê.

Những ghi chép này của chúng tôi được bác Lâm Quang Tịnh, anh Đảng Năng Thọ, anh Hà Văn Cầu, gần đây là anh Đỗ Hải Nam giúp đỡ, khảo sát, xem lại phiên âm tiếng Chăm tại vùng Ninh Phước (Ninh Thuận). Nhiều ghi chép này có thể đã rất khác với tháng lễ Ramưwan của người Chăm Bànì ở Bình Thuận. Sự khác nhau này không chỉ diễn ra trong cộng đồng Chăm Bànì ở Bình Thuận, Ninh Thuận mà ngay tại Ninh Thuận, các làng Chăm Bànì khi tiến hành lễ này đã có sự khác nhau rồi. Vì vậy, chúng tôi xin giới thiệu tháng lễ Ramưwan tại Ninh Thuận như một tài liệu ghi chép dưới dạng nghiên cứu nhân học tôn giáo để cung cấp thêm thông tin cho các nhà nghiên cứu.

Đứng về mặt tôn giáo, người Chăm ở Ninh Thuận theo những tôn giáo chính là Islam giáo và Balamôn giáo. Toàn

tỉnh Ninh Thuận có trên 70.000 người Chăm chiếm khoảng 12% dân số toàn tỉnh, trong đó người Chăm theo Balamôn giáo có hơn 36.000 người còn lại là những người Chăm theo Islam giáo.

Những người Chăm theo Islam giáo tại Ninh Thuận chia thành 2 nhóm, với tên gọi: Chăm Islam (có khoảng gần 3.000 người sống tập trung trong 4 thánh đường (từ thánh đường 101 đến thánh đường 104), và Chăm Bànì (có khoảng gần 30.000 người).

Đã có nhiều ý kiến tranh luận xung quanh nhóm người Chăm Bànì. Có nhiều người cho rằng, từ Bànì (tức Ben ni) trong tiếng Arập là cao quý, tôn kính (ý chỉ Thượng đế Olloh). Cũng có ý kiến cho rằng, người Chăm Bànì vốn là những người Islam giáo, song sau một thời gian dài không có liên hệ với gốc Islam giáo nên có thể coi đạo Bànì là một tôn giáo Chăm bản địa. Những vấn đề lịch sử về đạo Bànì vẫn đang còn ở phía trước. Sau nhiều lần khảo sát chúng tôi chỉ biết rằng, những người Chăm Bànì sống tập trung tại tỉnh Bình Thuận và tỉnh Ninh Thuận. Và từ một nghĩa nào đó, thì đạo Bànì là một loại hình tôn giáo được thoát

*. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

**. ThS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

thai từ Islam giáo, được dung hoà trong dòng tín ngưỡng dân gian Chăm mà tạo thành. Đến nay, vẫn chưa xác định được thời điểm định hình của nó. Có thể nhóm Chăm Bani hình thành ngay từ khi Islam giáo mới du nhập vào người Chăm khoảng thế kỉ X - XI và tồn tại cho đến ngày nay⁽¹⁾. Bani giáo, từ một góc nhìn khác, cho thấy đã tồn tại lâu đời trong tộc người Chăm, tạo thành "âm dương" trong nhân sinh quan của họ, trôi chảy từ "sự kiện" vị vua thời phong kiến Chăm ở thế kỉ XI, đã sang Mecca và có tên là Pô Âu Loah⁽²⁾.

Xét về bản chất tôn giáo, đạo Bani không có mối liên hệ gì với Bàlamôn giáo nhưng lại gắn bó với tôn giáo này. Điều này được thể hiện trong tư duy tâm linh của tộc người Chăm khi họ cho rằng Bani là "âm" và Bàlamôn là "dương" và có người còn đồng nhất Olloh với Débatathuor⁽³⁾. Nhưng về mặt thực tiễn, tu sĩ Bani giáo không bao giờ ngồi ăn cùng mâm với tu sĩ Bàlamôn giáo. Điều này đã làm tổn thất bao công sức của các nhà nghiên cứu, song đến bây giờ vẫn chưa có sự giải thích thoả đáng.

So với Islam giáo, Bani giáo vẫn có một mẫu số chung như an táng người qua đời quay đầu về hướng Bắc; không bài trí ngẫu tượng trong thánh đường; sử dụng kinh Qur'an và tôn thờ Thượng Đế tối cao là Olloh và vị giáo chủ Muhammad. Cũng vì thế, cứ đến tháng 9 lịch Islam giáo, tín đồ cùng hàng ngũ tu sĩ Bani giáo bước vào tháng chay tịnh mà thuật ngữ Islam giáo thường gọi là lễ Ramadan, còn người Chăm Bani thì gọi là Ramưwan. Dù là Ramadan hay Ramưwan thì nội hàm của chúng vẫn là ăn chay "cấm mình" trong thánh đường.

Thánh đường của người Bani gọi là Chùa (hay Chùa Bani) song nó không

giống với những ngôi chùa thờ Phật. Vì thánh đường là nơi tôn thờ Thượng Đế Olloh và Đấng tiên tri Muhammad của Người nên bức tường phía Tây trong thánh đường trở thành một khu vực rất quan trọng. Trong thánh đường hay Chùa Bani thường là nơi "cấm mình" của các vị tu sĩ để hành lễ và cũng là nơi lui tới của tín đồ, đông nhất vẫn là các vị cao niên của giáo phái này.

Ramưwan là thuật ngữ riêng của giáo phái Bani, vậy nó có khác gì với Ramadan không? Như trên đã nói, nội hàm Islam giáo vẫn là mẫu số chung của Chăm Islam và Chăm Bani. Nếu có sự khác biệt giữa Ramadan của Chăm Islam với Ramưwan của Chăm Bani thì chính là ở chỗ Ramadan của người Islam giáo là bắt buộc đối với mọi tín đồ (tất nhiên, còn có những trường hợp ngoại lệ), còn Ramưwan của người Chăm Bani chỉ bắt buộc với tu sĩ Bani. Hơn nữa, sự khác biệt còn bởi lễ Ramưwan của người Chăm Bani tiến hành từ hai ngày cuối cùng của tháng Tám lịch Islam giáo, có nơi còn thực hiện trước đó nữa⁽⁴⁾. Điều này được thể hiện ở hai cách gọi khác nhau, tùy theo từng lứa tuổi và sự hiểu biết của tầng lớp tín đồ⁽⁵⁾.

II. Quy trình lễ Ramưwan của người Chăm Bani ở Ninh Thuận

Tháng Ramưwan của giáo phái Bani có hai phần: *Patăng Mukkei* và *Bilan ok*.

1. Xem Nguyễn Mạnh Cường, Nguyễn Minh Ngọc. *Người Chăm - Những nghiên cứu bước đầu*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 2002.

2. Harivarman lên ngôi 1010 trị vì 10 năm, *Lược sử và văn minh Chăm*, Umide Dorohiem, Chương thứ tư.

3. Olloh: Thượng Đế tối cao của đạo Bani (Hồi giáo); Débatathuor: Đấng siêu nhiên Bàlamôn giáo.

4. Vùng sông Cúc: Phước Nhơn, An Nhơn, Lương Tri cúng gia tiên 3 ngày.

5. Có người không hiểu Ramưwan là gì mà chỉ biết "Patăng Mukkei", cao hơn nữa là "Bilanok". Nhưng không bao giờ có khái niệm cùng lúc.

Theo đó, *Patăng Mukkei* là hoạt động dân gian về mặt lễ nghi và hội hè có sự tham gia mang màu sắc tôn giáo và tín ngưỡng. Còn *Bilan ők* là những hoạt động đậm nét tôn giáo có sự tham gia của lễ thức dân gian.

2.1.1. *Patăng Mukkei* (lễ cúng gia tiên)

Vào những ngày cuối tháng 8 giáo lịch, tín đồ Bani nô nức bước vào những hoạt động trang nghiêm: mời tổ tiên về vui vầy với con cháu, người thân. Từ sáng sớm, tùy theo mỗi nơi, mỗi địa phương, họ ăn mặc chỉnh tề, nữ đội quả trầu (đôn hala), tay xách chiếu lễ (chiêu bang), nam vác cuốc, xách ấm nước, con cháu theo sau, cùng nhau toả về những nơi mà tổ tiên, ông bà, người thân yên nghỉ để làm thủ tục mời Tổ tiên, ông bà về vui với gia đình. Người Chăm gọi thủ tục này là Lễ tảo mộ (ghur rak).

a. Lễ tảo mộ (ghur rak)

Đến đây mộ phần dòng tộc⁽⁶⁾, mỗi người một tay, thực hiện những công việc làm sạch, vun đắp phần mộ. Nữ tằm trầu, những người thuộc kinh kệ vận y lễ⁽⁷⁾ ngồi thành một dãy dài hướng theo phía Bắc. Trong khi đó, một vài tu sĩ thực hiện công việc tẩy uế mộ phần (raw ghur) bằng cách cầm ấm nước xối rửa từng viên đá bia, miệng liên tục niệm câu kinh bằng tiếng Ả-rập, trích từ kinh Qur'an, theo sau là một vị khác thoa nước thánh được chế tác từ vỏ cây chanh rừng nghiền hoà với nước lên từng ngôi mộ. Khi khói hương trầm bốc lên nghi ngút, mọi người kính cẩn nghiêng mình trước vong linh người quá cố trong tiếng kinh cất lên trầm trầm. Người phụ nữ đứng ra bái lạy mời tổ tiên cùng về vui vầy với con cháu, người thân. Chấm dứt bài kinh, mỗi vị nhét dưới viên đá bia của từng phần mộ miếng trầu tằm để gọi là tiên lễ.

Xong xuôi, họ trở về trong lòng náo nức, phấn chấn hẳn lên, họ quyết đoán rằng người thiên cổ không chối từ tấm lòng thành của họ. Về đến nhà, họ kê ở nơi trang trọng nhất trong nhà một chiếc phản hoặc cái giường, trải chiếu hoa mới, bày trầu tằm, bình trà, hoa quả và không quên hai chiếc gối cổ truyền ba lá⁽⁸⁾. Tất cả không gian ấy trở thành nơi ngồi nghỉ, ăn trầu, uống nước của người thiên cổ của gia đình họ. Họ không bao giờ quên đốt lên những miếng trầu tỏa hương thơm⁽⁹⁾.

b. Lễ cúng gia tiên

Khi mọi việc được chuẩn bị chu tất từ lễ vật đến người phục vụ, vị chủ lễ, vị chức sắc hoặc người thuộc kinh kệ (Qur'an), tẩy thể bằng lọ balok⁽¹⁰⁾ - nước hoà cát lồi. Chỉnh tề trong y lễ, vị chủ lễ⁽¹¹⁾ (Ôn achar) niệm bùa chú, vẽ bùa trên chiếu lễ, nơi đặt chỗ ngồi, duỗi chéo định vị xong, mâm lễ vật (salaw takai) được dâng lên. Từ lúc này, chủ lễ luôn miệng niệm chú (pôch kayar). Mâm lễ vật có hai loại: mâm ngọt và mâm mặn. Mâm ngọt gồm chè (2 chén) và đĩa bánh trái, gồm bánh tét cắt miếng (tapei nung kleh), bánh ít (tapei balik), chuối, bánh sakaya, được sắp xếp theo quy tắc: miếng bánh tét ở dưới, sakaya ở trên và một vài loại bánh khác. Mâm mặn được dọn trên chiếc

6. Người Bani thổ táng theo dòng họ mẹ.

7. Chức sắc tôn giáo và người ngoài hàng ngũ chức sắc. Ngoài chức sắc mặc áo dài chui đầu, đầu quấn khăn.

8. Chiếc gối làm bằng rom, ba miếng ghép, xếp mở ra được, bọc bằng vải mầu, thường là mầu đỏ.

9. Người Chăm Islam ở Ninh Thuận cũng ăn tết tháng chay Ramadan và cũng có lễ tảo mộ, song tảo mộ theo kiểu cộng đồng (cả làng) chứ không phải theo từng dòng họ như người Chăm Bani.

10. Lọ balok - làm bằng gốm, miệng rộng, dung tích khoảng một lít.

11. Một vài nơi khác như Phan Hoà, Bắc Bình, chủ lễ có khi hai hoặc ba người.

mâm bằng kim loại; khi dâng lên được đặt trên mâm cao chân. Mâm mận gồm cơm, canh, thịt, cá, rau,... thỉnh thoảng có thức uống (rượu, bia) tùy theo sở thích vị được mời lúc còn sống trên thế gian mà người Chăm hay dùng từ "hag takru".

Mâm lễ được dâng thành nhiều đợt, mỗi đợt hai mâm ngọt và mặn, và sau mỗi đợt, chủ lễ tụng bài kinh Qur'An trước bát hương trầm bốc lên nghi ngút. Trong khi tụng hồi kinh, chủ lễ thỉnh thoảng dùng tay chạm vào khay trà, đĩa trầu cau xếp bên phải nơi ngồi cúng gọi là dùng nước, ăn trầu sau bữa ăn. Trên mâm cúng, khi thấy gia chủ dơ dáy mâm mận cũng như mâm ngọt tức là họ đang mời vị thổ thần bảo hộ gia đình của họ.

Cứ mỗi đợt, từng mâm lễ được dâng lên, gia chủ tay rót nước, miệng nhắc tên người được mời đến hưởng mâm lễ vật một cách trân trọng. Đầu tiên là họ mời ông xơ, bà cố (Ôn kok ôn kot ôn dơt ôn daw) đứng ra đãi khách (Payak atuai). Các vị khách là những người đã qua đời về phía ngoại⁽¹²⁾ của mẹ, phía chồng, hoặc bên ngoại của cháu ruột của mình⁽¹³⁾. Xong đợt đãi khách (Mukkei tuai) những người tham dự tạm nghỉ ngơi, ăn uống, chuẩn bị mọi thứ để tiếp tục mời tổ tiên trong dòng tộc của mình (Muk kei di thang). Cách bày lễ vật ở giai đoạn này có khác đi đôi chút, nếu là người ruột thịt mới qua đời được mời dự cỗ thì lễ vật được dơ dáy như mâm mời thổ thần, bánh trái được chất lên đầy mâm⁽¹⁴⁾. Trong suốt quá trình đó, họ mời tổ tiên, thần nhân dự cỗ và lưu tâm vun xới cho cuộc sống của gia đình, dòng tộc.

Trong suốt lễ cúng gia tiên của người Chăm Bani, những bài kinh được cất lên trang nghiêm trong khói trầm hương

nghi ngút, trong sự kính cẩn và chuẩn mực từng động tác, tư thế ngồi⁽¹⁵⁾ của người chủ lễ. Đặc biệt, vị trí cố định của mọi người tham gia lễ cúng và của từng đồ vật thể hiện tính tôn nghiêm hơn nữa.

Họ tin rằng, có như vậy tổ tiên của họ mới thoải mái, cảm thông với họ và sẵn sàng giúp họ trong bất kì tình huống nào, dù là hiểm nghèo nhất. Trong suốt cả năm mới, họ sẽ được an khang và hạnh phúc.

2.1.2. Hội hè

Hội hè là một bộ phận trong đời sống tinh thần không thể thiếu trong mùa Ramưwan của đồng bào Chăm Bani, tuy ở mỗi nơi, tùy điều kiện của từng địa phương mà họ tổ chức hội hè với những quy mô khác nhau. Thường thấy ở mọi địa phương là những đêm biểu diễn văn nghệ với những tiết mục của địa phương cũng như ở nơi khác đến biểu diễn; những trận bóng đá hoặc những trò chơi khác, chẳng hạn như ở làng Phước Nhơn, huyện Ninh Hải, người ta còn tổ chức cả cuộc thi cày ruộng, đội nước, bò kéo xe leo dốc, v.v...

2.2. Ramưwan - Bilan ok

Đến sẩm tối ngày cuối cùng lễ cúng gia tiên⁽¹⁶⁾, mọi người trong gia đình Chăm Bani tập trung quanh vị cao niên nhất trong nhà để làm lễ chúc phúc⁽¹⁷⁾. Lễ chúc phúc được tổ chức một cách đơn giản.

Người cao niên cầm lọ nước hòa cát lồi (balok ea amu), rồi từng người một

12. Bên cha đẻ của mẹ.

13. Bên cha đẻ của cháu ruột.

14. Thường thấy phổ biến ở làng Phước Nhơn, huyện Ninh Hải.

15. Ngồi duỗi téo một chân ra đằng sau, lưng thẳng.

16. Vùng Ninh Phước cúng hai ngày, vùng Ninh Hải cúng 3 ngày cuối tháng 8 Hồi lịch.

17. Lễ chúc phúc người Bani gọi là "Richo".

được súc miệng, rửa mặt 3 lần, dội vài giọt nước từ trên đầu xuống 3 lần, miệng luôn chúc cho người được thọ lễ khỏe mạnh, trong năm mới gặp nhiều may mắn, thành đạt,... Cũng từ đó, mọi thành viên của địa phương được vào lễ trong thánh đường suốt cả năm đó.

Từ lúc này trở đi, không khí trong làng trở nên yên ắng, mọi ngã đường dẫn đến thánh đường xuất hiện nhiều tín đồ Bani với màu áo trắng truyền thống, nữ áo dài đầu chít chiếc khăn đằm đội quả trầu (đôn hala), nam áo "qua"⁽¹⁸⁾ hoặc áo bà ba cổ kiềng hay sơ mi, váy trắng, đầu chít khăn trắng hoặc vắt vai đi vào thánh đường chuẩn bị khai lễ Ramưwan.

Ramưwan là một thuật ngữ đã được Chăm Bani hóa từ thuật ngữ Ramadan của Ả-rập. Hoạt động chính trong thánh đường tròn tháng Ramưwan là các vị tu sĩ Bani từ cấp Achar trở lên đến Pô Gru⁽¹⁹⁾. Họ vào ở hũn trong thánh đường, với nhiệm vụ lễ kinh 5 lần trong một ngày đêm và thực hiện các loại hình lễ nghi khác như Ôn trun, Muk trun, Lễ mãn tháng chay tịnh...

2.2.1. Ba ngày đầu và lễ kinh Ramưwan

Từ đêm khai lễ tiếp theo ba ngày sau, trong thánh đường, tu sĩ Bani thực hiện công việc khá đặc biệt gắn bó với cái tên Bilan ok - tháng nhịn ăn - với hình thức là ngoài 5 lần lễ kinh (ngak năg) trong một ngày đêm, còn lại họ nằm im tại vị trí của mình⁽²⁰⁾, miệng ngậm muối. Theo Imâm Nguyễn Lữ ở Phước Nhơn, đó là hành vi sám hối, cực thể để cảm thông với người kham khổ ở trần gian này.

Trong một ngày đêm, lễ kinh được thực hiện vào các giờ sau:

- Lúc 12 giờ trưa, lễ kinh Vah-rik, lễ hướng về Muhammad, vị thiên sứ truyền

kinh Qur'an cho cộng đồng Islam giáo và thường sau lễ này mới được cúng tế trong thánh đường. Theo Imâm Trương Văn Cở ở làng Văn Lâm, đây là lễ kinh quan trọng nhất⁽²¹⁾, vì chỉ sau lễ này, nếu có tang chế trong làng các vị tu sĩ mới được tham dự.

- Lúc 15 giờ, lễ kinh ớssarik, ngoài ý nghĩa là lễ cầu nguyện thánh Noe (Nưbinuh) như Islam giáo, nó còn có ý nghĩa nữa là được phép tham dự các lễ nghi ở ngoài thánh đường.

- Lúc 17 giờ, lễ kinh Gariplak, lễ cầu nguyện Muhammad.

- Lúc 21 giờ, lễ kinh Êsha, lễ cầu nguyện thánh Êsha, với lễ này tín đồ về dự lễ rất đông, họ còn mang cả lễ vật, dù là đơn giản, chỉ mấy miếng trầu têm⁽²²⁾. Đây là nét khác hẳn với Islam giáo, họ cho rằng miếng trầu đó là để dãi tổ tiên của mình đang ở trong nhà Phước (thang dhar).

- Lúc 4 giờ sáng, lễ kinh Subahik, lễ cầu nguyện cho muôn dân (adam) và một ý nghĩa nữa đậm nét tín ngưỡng dân gian Chăm với nghề trồng lúa nước truyền thống là nhận diện mặt trời (brei angan ka eaharei - đặt tên cho mặt trời).

Tiến trình thực hiện các lễ kinh đều khá ổn định:

- Lễ tẩy thể (Mưk ea - lấy nước)

- Đánh trống (Toong hagar)

18. Một loại áo người đàn ông Chăm cao tuổi hay mặc trong những ngày lễ.

19. Hệ thống tăng lữ Bani: Achar, Mưdin, Katíp (Kotíp), Imưm, Pô Gru.

20. Mỗi vị có cái giường cá nhân, cao khoảng 20 cm - 25 cm.

21. Cuốn Văn hoá Chăm trang 305 thì cho rằng lễ kinh lúc 21 giờ quan trọng nhất.

22. Lượng trầu têm tùy thích, nhưng phổ biến vẫn là lễ kinh, chỉ một phần hai số tu sĩ tham gia trực tiếp, số còn lại yên vị theo dõi cuộc lễ.

- Gọi dự lễ (Bang)
- Đọc kinh
- Kết thúc buổi lễ

a. Lễ tẩy thể (Mũk ea)

Trước khi vào buổi lễ kinh, các vị dự lễ kinh buổi đó lần lượt ra làm lễ tẩy thể. Áo khoác vai, đầu đội mũ lễ (Kapijah) tay cầm chén đồng⁽²³⁾ đến giếng hoặc hồ nước, rồi ngồi trên phiến đá trước hành lang thánh đường để làm lễ tẩy thể. Lễ tẩy thể mang tính chất tượng trưng, mỗi thao tác đều kèm theo cầu kinh lẩm nhẩm trong miệng. Cuối cùng, họ sửa áo quần một cách chỉnh tề rồi lần lượt vào thánh đường. Mỗi khi qua cửa, họ đều xin phép bằng cách đọc kinh cầu và đưa bàn tay lên chạm mũi. Bước vài bước, họ đặt chiếc chén đồng xuống, cất lên bài kinh và ngân dài cho đến khi đã đứng yên vị nơi làm lễ. Thao tác này gọi là Mũk Kayat.

Khi các vị tu sĩ đã yên vị nơi làm lễ, một vị tách khỏi hàng ngũ, tiến về phía chiếc trống.

b. Đánh trống (Toong hagar)

Người đánh trống thường là Kotip hay Mũdin. Họ đến cái trống treo trên giá, tay xoa xoa mặt trống, niệm kinh, gõ vào tang trống 5 tiếng và đánh hồi trống báo lễ kinh bắt đầu. Vài tiếng trống đầu khoan thai từ từ rồi sau cứ nhanh dần lên một cách hối hả. Kết thúc bằng ba tiếng trống, hai tiếng đánh liên và một tiếng đánh rời. Sau cùng, họ gác dùi trống lên và đi trở ra.

c. Gọi dự lễ (Bang)

Khi người đánh trống lui ra thì một người khác tách ra để đón. Hai người đứng cạnh nhau, hai tay đưa lên chạm vào vành khăn còn ngón cái chạm vào vành tai, cùng ngân lên bài kinh. Bước

này ở người Islam giáo, chỉ một người thực hiện ngoài hành lang thánh đường, sau bài kinh gọi dự lễ, tín đồ mới kéo đến dự lễ. Ngược lại, với đạo Bani, vì những người tham dự lễ là các vị tu sĩ, đều đến ở hẳn trong thánh đường, nên sau bài kinh "gọi dự lễ" (bang), các vị tu sĩ thực hiện luôn đọc kinh cầu nguyện.

d. Đọc kinh

Hướng dẫn các buổi lễ đều có sự phân công cụ thể cho từng vị, các thao tác bái lạy, đứng, quỳ,... giống như người Chăm Islam. Các vị đứng thành một hàng dài theo hướng Bắc-Nam, quay mặt về hướng Tây, bài kinh có khi một người đọc, có lúc tất cả cùng đọc, thỉnh thoảng đồng thanh tiếng cất tiếng "Omin", và tay lần tràng hạt.

d. Kết thúc buổi kinh

Kết thúc buổi kinh, toàn bộ tu sĩ ngồi thành vòng tròn, vòng trong vòng ngoài, đến bắt tay các vị vừa tham dự lễ kinh. Hai bàn tay để đọc, đan xen vào nhau, rồi dùng bàn tay phải đưa lên mũi, gọi là vakasalam. Theo Imâm Thành Ngọc Trên ở Phước Nhơn, sở dĩ họ có hành động như vậy là để thể hiện sự tha thứ nguyện sau buổi lễ, tất cả tín đồ Bani là anh em ruột thịt⁽²⁴⁾.

Với ba ngày đêm đầu của thánh đường Bani trong tháng chay tịnh, các vị hướng dẫn lễ kinh cầu nguyện lần lượt là các ông Mamtanh, Katíp (Kotip) tanh, Mũdin. Đêm thứ tư do vị Sư cả của thánh đường đó hướng dẫn. Từ ngày đêm thứ năm trở đi sẽ được phân công theo thứ tự cho các vị còn lại.

23. Có nơi dùng cái ầm bằng gốm hoặc bằng kim loại.

24. Ở Islam giáo, chúng ta thường nghe họ trao đổi khi gặp nhau: Islam molai kum - Molaikum Islam (Islam giáo đều là anh em).

Về lễ vật cho từng đêm lễ kinh cầu nguyện ở thánh đường Bani cũng khá đơn giản. Mỗi tín đồ (phụ nữ) mang đến 20 miếng trâu tằm. Nếu là người thuộc dòng tộc của người hướng dẫn lễ cầu nguyện thì họ còn mang theo một cây nến to bằng sáp ong, dài từ 40-50 cm.

Phần lễ kinh đến đó là hết. Các chức sắc chỉ ăn uống ngoài buổi lễ, gọi là bồi dưỡng. Thường những bữa ăn này không để trên mâm cao chân (salaw takai) và phải ăn đồ chay nếu như ngày đó chưa đến rằm (muk trun), còn ngược lại, từ ngày thứ mười sáu trở đi các bữa ăn có thể là thịt, trứng, cháo gà,... Và đương nhiên các bữa ăn này các chức sắc không phải đọc kinh.

2.2.2. Lễ kinh ngày thứ Sáu (harei fanmutah) và ngày thứ Năm (pôk jip)

a. Lễ kinh ngày thứ Sáu (harei famutah)

Tròn tháng Ramutwan, trong thánh đường Bani tổ chức ít nhất bốn lần lễ kinh ngày thứ Sáu (Harei jamutah - jamutat). Diễn tiến buổi lễ ngày thứ Sáu cũng như các lễ kinh thường ngày khác. Điểm khác ở buổi lễ này là vị Kotíp phải làm chủ lễ. Thời gian tiến hành lễ vào giờ lễ kinh Vahrik, tức là kinh hướng về giáo chủ Muhammad.

Vị Kotíp sau khi hướng dẫn lễ kinh cầu nguyện cho các vị khác cùng tham dự, họ bước lên Kanrong⁽²⁵⁾, tay phải chống gậy thần (agai bông), tay trái cầm cuốn kinh viết bằng chữ Arập, đọc to cho cả thánh đường cùng nghe (ngak akhar).

Kết thúc buổi kinh, tín đồ dâng lễ vật gồm: xôi, chè, chuối,... để trên mâm chân cao. Vị Kotíp ngồi chính giữa thánh đường, các vị khác ngồi hai bên. Sau đó,

họ tụng một hồi kinh trước chén lửa bốc lên hương trầm nghi ngút.

b. Lễ kinh ngày thứ Năm (pokjip)

Nếu lễ kinh ngày thứ Sáu được tổ chức vào giờ kinh Vahrik thì lễ kinh ngày thứ Năm được tổ chức vào lúc 21 giờ, tức là lễ kinh Êsha. Lễ Êsha là lễ kinh tiến hành như các lễ kinh khác thường ngày trong tháng Ramutwan; và chỉ khác với lễ kinh ngày thứ Sáu ở chỗ giảng kinh lần này không phải do vị Kotíp đảm trách.

Kết thúc buổi kinh, tín đồ dâng lễ như ngày thứ Sáu (Jamutah), họ tin rằng đó là mâm lễ vật mà tổ tiên (mukkei) của họ sẽ được hưởng sau buổi lễ này. Vì thế lễ này thu hút được rất nhiều người Chăm Bani tham gia.

Về những bài kinh sử dụng trong lễ này, ngoài những bài kinh thường thấy, người Chăm còn tụng thêm 5 bài kinh khác để cầu nguyện cho tổ tiên. Người Chăm Bani thường tụng 5 bài kinh này trong lễ cúng gia tiên (Patăng Mukkei) hoặc ở lễ tảo mộ (Pabôn ghurrah).

Nếu lễ ngày thứ Sáu đậm đặc màu sắc tôn giáo thì lễ thứ Năm có pha chút ít màu sắc nghi thức dân gian. Chính điều này đã giữ được nét thuần khiết của đạo Bani.

2.3. Lễ Muk trun - Ôn trun⁽²⁶⁾

Lễ Muk trun và Ôn trun là hai lễ có vị trí rất quan trọng trong tháng Ramutwan của đạo Bani. Hai lễ này được tiến hành cách nhau 5 ngày, khi mùa chay của người Chăm Bani đã qua ngày thứ mười lăm.

25. Kanrong là một cái khung gỗ được sơn phết, trang trí cẩn thận, ba mặt che vải trắng, nơi để gậy thánh (agai bông), cao khoảng 2 m, rộng 1,2m, dày 1,2m.

26. Muk ôn nun: Ông bà giáng trần. Nhiều người cho rằng đây là bà Siva (Tik va) và Ông Adong (Adam).

a. Muk trun

Sau 15 ngày của mùa chay trong thánh đường Bànì, vào giờ lễ Êsha, người Chăm tổ chức lễ Muk trun. Lễ vật của tín đồ dâng lên trong ngày lễ Muk trun cũng như cách thức tiến hành nghi lễ này không khác gì lắm so với lễ kinh thứ Năm hay thứ Sáu.

Lễ Muk trun biểu hiện khá rõ nét về nhân sinh quan của người Chăm theo đạo Bànì. Bởi, chỉ sau lễ này việc sát sinh mới được phép để phục vụ con người, kể cả cá nước ngọt (Kan ea taba). Và, chỉ sau Muk trun, tín đồ mới được cúng tế; vì trước đó thân thánh, tổ tiên đang trong những ngày chay tịnh. Vị tu sĩ nào muốn được cộng đồng tôn trọng thì phải trải qua Akhar Muk, tức bài kinh rất dài bằng tiếng Arập⁽²⁷⁾.

Theo thuật ngữ chính thống, tất cả hoạt động của lễ kinh Muk trun gọi là Tanôt. Từ đây về sau, khuôn phép của mùa chay tịnh được nối dần. Tín đồ được cúng tế ở nhà theo phong tục, các làng khác không phải là người Chăm Bànì cũng được phép sát sinh để cúng tế.

b. Ôn trun

Bước sang ngày thứ hai mươi của tháng Ramưwan, thánh đường tổ chức lễ kinh Ôn trun, cũng vào giờ lễ kinh Êsha⁽²⁸⁾. Các bước tiến hành như mọi lễ, nhưng có thêm 12 bài kinh khác. Sau buổi lễ có một hoạt động khác mà các lễ kinh khác không bao giờ có là Ikak Kasô (trao bùa hộ mệnh) cho các cháu nhỏ từ 4 tuổi trở xuống. Cuối lễ này, tín đồ dâng lễ vật như Muk trun.

Từ sau lễ Ôn trun, trong thánh đường tổ chức nhiều hoạt động lễ nghi khác. Trước hết là lễ dâng gạo. Đây là một trong những lễ nghi mang đậm màu sắc

dân tộc Chăm - một dân tộc thuộc nền văn minh nông nghiệp trồng lúa nước. Lễ này làm chúng ta liên tưởng đến lễ dâng gạo của đồng bào Chăm Balamôn trong ngày lễ Yôr Yang trên các lăng tháp cổ. Với các tín đồ Chăm Bànì, dâng gạo là để chia sẻ nỗi khổ với tổ tiên cộng đồng người Bànì. Họ tin tưởng và hi vọng rằng, sau khi chết đi mình cũng sẽ được đối xử một cách thân tình như vậy.

Các lễ nghi như Palek Kalăm (Khai bút) cho các cháu đã chịu lễ Katat, lễ Al la hăm duk để từ đây các cháu có thể dự lễ kinh tảo mộ, cúng gia tiên,... nếu đã thuộc lòng các bài kinh bắt buộc.

2.4. Kết thúc tháng Ramưwan

Trước ngày kết thúc mùa chay tịnh, ngày thứ 27, tín đồ địa phương dâng gạo cho thánh đường. Ý nghĩa của việc dâng gạo ở đây, ngoài đại ý như ở ngày thứ hai mươi, còn mang ý nghĩa khác:

- Tạo điều kiện cho vị tu sĩ đi hành hương ở Mưkah (Méc-ca).
- Yakat (bố thí) cho kẻ nghèo khó trong phạm vi thánh đường.
- Một phần gửi cho thân nhân ở bên kia thế giới đi hành hương ở Mưkah.

Tuy nhiên vào thời điểm hiện tại, nghi lễ này chỉ còn là hình thức bởi lễ, các tu sĩ Chăm Bànì vẫn chưa thực hiện hành hương đến Mưkkah (Méc-ca).

Đến tối thứ ba mươi của tháng Ramưwan, gia đình các tu sĩ được mang phân gạo đã chia về nấu cơm Yakat. Rạng sáng ngày thứ ba mươi mốt, người

27. Muk trun: 13 bài kinh khác nữa ngoài những bài kinh thường ngày.

28. Êsha: có người cho rằng đây là tên gọi của Giêsu theo Bànì - Pô Ê tha.

- G. Mousoy. Trung tâm văn hoá Chăm 1971.

ta mang một phần cơm Yakat lên thánh đường, phần còn lại, cho mời mọi người già, trẻ, gái, trai trong họ hàng, địa phương đến ăn, miễn người ấy không vi phạm luật đạo, hay chưa đủ điều kiện⁽²⁹⁾. Cơm Yakat được ăn với trứng và muối mè. Một số địa phương còn nấu cơm Yakat với nước dừa và thức ăn phải có cá đuối khô⁽³⁰⁾.

Sáng sớm, thánh đường tổ chức lễ kinh bế mạc mùa chay tịnh vào giờ kinh Subahik - giờ kinh cầu nguyện cho muôn dân. Nếu trong bốn đạo có thắng chức cho vị tu sĩ nào thì trong thánh đường tổ chức lễ rước cây gậy thánh của Pô Alwah (Olloh). Vị Sư cả hướng dẫn lễ này dưới sự chứng kiến của Kotip tanh. Đáng lưu ý, lễ này được thực hiện như ngày thánh lễ thứ Sáu mặc dù có thể làm lễ này vào bất kì ngày nào. Vị chủ lễ thường là Kotíp, ít khi Imâm được chỉ định hướng dẫn lễ bế mạc này.

Cuối cùng tín đồ dâng hai mâm lễ ngọt và mặn⁽³¹⁾.

Các vị tu sĩ dùng bữa cơm cuối cùng rồi chia tay. Thánh đường đóng cửa đến khi có lễ tế mới.

III. Vài nhận xét về tháng Ramưwan

3.1. Ramưwan của người Chăm Bani vừa là lễ vừa là hội (tết) lớn của họ. Mọi tinh hoa văn hoá được bộc lộ một cách rõ nét. Người Bani không đơn tuyến tôn giáo, họ đã khéo kết hợp tín ngưỡng dân gian Chăm với Islam giáo. Chính các sắc màu tôn giáo ấy là điểm tựa cho tín ngưỡng dân gian, phong tục của người Chăm Bani tồn tại và phát triển. Thánh đường Bani là nơi tu chỉnh của tu sĩ, tín đồ, hướng cho họ đi đúng con đường Chân, Thiện, Mĩ.

3.2. Lễ kinh 5 lần trong ngày đêm là quy định bắt buộc trong Kinh Qur'an của Islam giáo. Song ở đây, vẫn thấy phảng phất những yếu tố tâm linh của một tộc người có nền văn minh trồng lúa nước với khái niệm "đặt tên - nhận diện mặt trời". Họ không chỉ tôn vinh Thượng Đế (Olloh) mà họ còn cầu nguyện các thánh thần phù hộ cho muôn dân với sự góp mặt của tổ tiên của họ trọn vẹn cả tháng Ramưwan.

3.3. Người Chăm Bani không xa hoa trong thế giới tâm linh. Một cây nến và hai mươi miếng trầu têm gọi là lễ vật để đến với tổ tiên của mình trong tháng này. Phải chăng đây là một đặc trưng không chỉ của người Chăm mà còn là đặc trưng của nhiều cư dân vùng Đông Nam Á? Và với họ, tổ tiên (Mukkei) có sức hấp dẫn họ hơn cả. Một hành động sai quy định trong mùa Ramưwan sẽ phạt ý tổ tiên. Họ gắn bó với tổ tiên trong lời cầu nguyện trong lễ cúng gia tiên đến những đêm ở thánh đường.

3.4. Ramưwan là cuộc sống tâm linh không thể thiếu của những người Chăm theo đạo Islam, nhất là với cộng đồng người Chăm Bani. Tìm hiểu nghiên cứu kĩ hơn nữa về những ngày lễ tết này sẽ góp phần bảo lưu các giá trị văn hóa truyền thống và điều chỉnh những yếu tố không còn phù hợp với cuộc sống hiện tại./.

29. Nếu đã có vợ hoặc chồng thì phải có lễ cưới, nữ không ở trong kì kinh nguyệt.

30. Phan Xuân Biên. *Văn hoá Chăm*, Sdd, tr. 306.

31. Mâm mặn như Mâm cơm các gia đình tu sĩ dâng lên hàng ngày, Sdd, tr. 305.